

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/DS-PT
Ngày: 11 - 02 - 2025
V/v tranh chấp "Ranh giới quyền
sử dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tố Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 611/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp "Ranh giới quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 219/2024/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 730/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn L, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm 1959. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Nguyễn Thị M, sinh năm 1942. (Đơn xin vắng mặt)

3.2. Nguyễn Thanh N, sinh năm 1974. (Có mặt)

3.3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1978. (Có mặt)

3.4. Nguyễn Văn N1, sinh năm 1963. (Đơn xin vắng mặt)

3.5. Nguyễn Thị P, sinh năm 1961. (Có mặt)

3.6. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972. (Có mặt)

3.7. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1938. (Chết)

* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T1.

- Nguyễn Thị M, sinh năm 1942. (Đơn xin vắng mặt)

- Nguyễn Thanh N, sinh năm 1974. (Có mặt)

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1978. (Có mặt)

- Nguyễn Văn N1, sinh năm 1963. (Đơn xin vắng mặt)

- Nguyễn Thị P, sinh năm 1961. (Có mặt)

- Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972. (Có mặt)

- Nguyễn Văn L, sinh năm 1980. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, Tiền Giang

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn:

3.8. Nguyễn Văn H2, sinh năm 1942 (đã chết năm 2001)

3.9. Nguyễn Thị B, sinh năm 1924 (chết năm 2011)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H2, bà B:

+ Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 (Có mặt)

+ Nguyễn Thị H3, sinh năm 1964 (Đơn xin vắng mặt)

+ Trần Văn T2, sinh năm 1944 (đã chết năm 1972, không vợ, con)

+ Nguyễn Thị Ở, sinh năm 1953 (đã chết)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, Tiền Giang

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Ở:

+ Nguyễn Thị H4, sinh năm 1974 (Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, Tiền Giang

3.10. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1952 (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Q:

+ Nguyễn Thị B1, sinh năm 1952.

+ Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1977.

+ Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1979.

+ Nguyễn Văn M1, sinh năm 1984.

+ Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, Tiền Giang

+ Nguyễn Văn T4, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 3 đường L, khu phố P, phường L, quận I, TP ., TP Hồ Chí Minh.

+ Nguyễn Trí D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp C, xã L, TP ., Tiền Giang.

3.11. Nguyễn Thị H3, sinh năm 1964. (Đơn xin vắng mặt)

3.12. Nguyễn Thu H5, sinh năm 1958. (Đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, Tiền Giang

3.13. Nguyễn Vũ P1, sinh năm 1979. (Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã B, thành phố G, Tiền Giang

3.14. Nguyễn Vũ P2, sinh năm 1982. (Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã B, thành phố G, Tiền Giang

3.15. Nguyễn Thị H6, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố V, phường L, thành phố G, Tiền Giang.

3.16. Nguyễn Thị Bích H7, sinh năm 1988. (Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã T, huyện G, Tiền Giang

3.17. Nguyễn Thị Thúy K1, sinh năm 1989. (Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố L, phường L, thành phố G, Tiền Giang.

3.18. Nguyễn Văn V, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, Tiền Giang.

3.19. Nguyễn Ngọc H8, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông nội anh để lại cho cha anh. Năm 2001, hộ gia đình anh được ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00052/HB.QSDĐ ngày 15/3/2001 do cha anh là ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1938 (chết ngày 05/9/2022) đại diện hộ đứng tên. Trong đó, có thửa đất số 336, tờ bản đồ số 2, diện tích 640m², đất T + ĐM giáp với thửa đất 335 của ông Nguyễn Văn H. Hai thửa đất có ranh giới là bờ ao hiện hữu đến nay vẫn còn nguyên hiện trạng. Khoản năm 2004 nhà nước làm đường giao thông nông thôn cắt ngang thửa đất 336 của hộ gia đình anh nên chia thửa đất 336 thành 02 phần 01 phần là nhà đang ở và 01 phần là ao nước hiện hữu trước nhà ông H. Sau khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án V, ông H đã tự ý chỉ ranh đất của ông sang thửa đất 336 của hộ gia đình anh mà không có bất kỳ ai là thành viên hộ gia đình anh chứng kiến. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H trả lại cho hộ gia đình anh diện tích qua đo đạc thực tế là 63,7m² thuộc thửa đất số 336, tờ bản đồ số 2, diện tích 640m², đất T + ĐM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:

00552/HB.QSDĐ ngày 15/03/2001 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1. Yêu cầu ông H trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Chúng cứ chứng minh: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H cùng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Lê Trường X thống nhất trình bày:

Trước đây ranh giới giữa hai thửa đất 335, 336 là đường mòn. Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà của ông H để lại cho gia đình ông sử dụng ổn định từ trước năm 1975 đến nay. Nguyên nhân có cái ao là do cha ông H cho cha ông Lâm mót đất để lấp nền nhà nên phần đất hiện hữu này thành cái ao chứ không phải cho luôn đất. Khi ông T1 cha của anh L kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía gia đình cha ông H không biết và cũng không ký giáp ranh gì vì ranh giới hai bên là con đường mòn. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phía bị đơn không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T1 là bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 cùng trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bên phía bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn Nguyễn Văn H

Bản án dân sự sơ thẩm số: 219/2024/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 232, 264, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, 166, 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn H và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thu H5, Nguyễn Vũ P1, Nguyễn Vũ P2, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị Bích H9, Nguyễn Thị Thúy K1, Nguyễn Văn V cùng có nghĩa vụ trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T1 gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Hoàng phần đất lấn chiếm có diện tích 63,7 m². Phần đất có các bên tiếp giáp như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H.

Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn H.

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H.

Hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn T1 (nay là đường đi)
(Có sơ đồ phần đất kèm theo).

- Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Các bên đương sự được quyền liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2. Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn T1 gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 và các thành viên trong hộ gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thu H5, Nguyễn Vũ P1, Nguyễn Vũ P2, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị Bích H9, Nguyễn Thị Thúy K1, Nguyễn Văn V chi phí san lấp và cây trồng trên đất tổng cộng là 10.483.500 đồng (Mười triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Buộc hộ ông Nguyễn Văn H và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thu H5, Nguyễn Vũ P1, Nguyễn Vũ P2, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị Bích H9, Nguyễn Thị Thúy K1, Nguyễn Văn V cùng có nghĩa vụ trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn T1 gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 và các thành viên trong hộ gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 chi phí định giá tài sản, đo đạc, sơ đồ và xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tổ tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, bị đơn Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì đây là đất của ông H được sử dụng và ông H đã được cơ quan thẩm quyền cấp đất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả lại diện tích lấn chiếm là 63,7 m².

- Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn H xác định ông kháng cáo vì không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người kháng cáo ông Nguyễn Văn H yêu cầu đưa thêm Nguyễn Ngọc H8 sinh năm 1992 (con ông) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ông Nguyễn Văn H kháng cáo nhưng không có bổ sung thêm chứng cứ mới nào để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 219/2024/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Chị Nguyễn Ngọc H8 là con ông Hữu sống trên đất tranh chấp và có mặt tại phiên tòa nên chấp nhận đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả lại diện tích lấn chiếm là 63,7 m² nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm” là phù hợp theo qui định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn L với bị đơn ông Nguyễn Văn H là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, hội đồng xét xử nhận thấy:

- Theo sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00170 do ủy ban nhân huyện Gò Công Đông cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H ngày 13/8/1997 thì cạnh phía bắc thửa 335 của ông H (giáp thửa 336 của ông L) không phải là đường thẳng mà có một đoạn khuyết sâu vào thửa 335 của chính ông H (bút lục 69).

- Theo thừa nhận của ông H tại phiên tòa, kết quả xem xét thẩm định đo đạc tại chỗ và căn cứ trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G đều xác định phần đất đang tranh

chấp (vị trí 3), diện tích 63,7m² có vị trí tương ứng với phần đất bị khuyết vào thửa 335 nói trên (bút lục 83).

- Theo kết quả đo đạc thửa đất 336 diện tích 640 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00552 do ủy ban nhân huyện G cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1 (nay là ông L) vào ngày 15/3/2001 diện tích bị giảm từ 640 m² xuống còn 479 m² (không tính phần tranh chấp) bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 160,8 m². Thửa đất 335 của hộ ông H đang quản lý sử dụng có diện tích đất khi cấp giấy lần đầu vào ngày 13/8/1997 là 1540 m² nay có diện tích 1.642,3 m², chưa tính phần tranh chấp đã tăng thêm 102,3 m².

- Từ trước đến nay ông L là người quản lý sử dụng phần tranh chấp này cho đến khi phát sinh tranh chấp.

Từ các chi tiết trên, nhận thấy cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ông H kháng cáo nhưng không có cung cấp thêm chứng cứ mới để xem xét nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 219/2024/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn H và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thu H5, Nguyễn Vũ P1, Nguyễn Vũ P2, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị Bích H9, Nguyễn Thị Thúy K1, Nguyễn Văn V cùng có nghĩa vụ trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T1 gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Hoàng phần đất lấn chiếm có diện tích 63,7 m². Phần đất có các bên tiếp giáp như sau: Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn H; Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn H; Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H; Hướng Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn T1 (Có

sơ đồ phân đất kèm theo). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Các bên đương sự được quyền liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn T1 gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 và các thành viên trong hộ gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thu H5, Nguyễn Vũ P1, Nguyễn Vũ P2, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị Bích H9, Nguyễn Thị Thúy K1, Nguyễn Văn V chi phí san lấp và cây trồng trên đất tổng cộng là 10.483.500 đồng (Mười triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Buộc hộ ông Nguyễn Văn H và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thu H5, Nguyễn Vũ P1, Nguyễn Vũ P2, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị Bích H9, Nguyễn Thị Thúy K1, Nguyễn Văn V cùng có nghĩa vụ trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn T1 gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 và các thành viên trong hộ gồm bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H1 chi phí định giá tài sản, đo đạc, sơ đồ và xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí sơ và phúc thẩm theo quy định.

- Anh Nguyễn Văn L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn H số tiền 524.200 đồng.

- H10 lại anh Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028221 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Thanh Vân